

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1007/2026/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Gia T**, sinh năm 1985; CCCD số: 001085004081 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07.02.2025; Nơi ở hiện tại: **Xóm Đ, phường T, thành phố Hà Nội**

- Chị **Lê Thị M**; sinh năm 1975; CCCD số: 015175000047 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13.07.2024; Nơi ở hiện tại: **F H, phường H, thành phố Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị **Lê Thị M** và anh **Nguyễn Gia T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 19/12/2024.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1007/2026/TLST-HNGĐ ngày 25/8/2026.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa **chị Lê Thị M** và **anh Nguyễn Gia T**

- Về con chung: Chị **Lê Thị M** và **anh Nguyễn Gia T** xác nhận trong thời kỳ hôn nhân không có con chung nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị **Lê Thị M** và **anh Nguyễn Gia T** không có tài sản chung, nhà ở chung, không yêu cầu toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ: Chị **Lê Thị M** và **anh Nguyễn Gia T** không vay nợ ai và cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí Toà án: Anh **Nguyễn Gia T** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh **Nguyễn Gia T** đã nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai

thu tiền số **0004613** ngày **25/8/2026** của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ NỘI**

Số: /2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số /2026/TLST-HNGĐ ngày tháng năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- **Chị Dương Thị Thu H**; sinh năm 1988; CCCD số 001188034265 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/04/2021;

HKTT và nơi ở hiện tại: P304, tập thể F H, phường B, thành phố Hà Nội.

- **Anh Hoàng Tuấn A**; sinh năm: 1980; CCCD số 001080004117 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/12/2021;

HKTT và nơi ở hiện tại: P304, tập thể F H, phường B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. **Chị Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 283/2009 ngày 29/12/2009.

[2]. **Chị Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày / /2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: **Chị Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** có 02 (Hai) con chung là: cháu **Hoàng Tùng L**; sinh ngày 01/3/2011 và cháu **Hoàng Nhật M1**; sinh ngày 26/6/2015.

Khi ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận chị **Dương Thị Thu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu **Hoàng Tùng L** và **Hoàng Nhật M1**. Anh **Hoàng Tuấn A** đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung hàng tháng 10.000.000 đồng và được quyền thăm nom, chăm sóc các con chung theo quy định pháp luật.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Chị **Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị **Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Chị **Dương Thị Thu H** tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị **Dương Thị Thu H** và anh **Nguyễn Hải Đ**.

- Về con chung: Chị **Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** có 02 (Hai) con chung là: cháu **Hoàng Tùng L**; sinh ngày 01/3/2011 và cháu **Hoàng Nhật M1**; sinh ngày 26/6/2015.

Khi ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận chị **Dương Thị Thu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu **Hoàng Tùng L** và **Hoàng Nhật M1**. Anh **Hoàng Tuấn A** đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung hàng tháng 10.000.000 đồng và được quyền thăm nom, chăm sóc các con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị **Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** không có tài sản chung, nhà ở chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: **Chị Dương Thị Thu H** và anh **Hoàng Tuấn A** không có vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí Tòa án: **Chị Dương Thị Thu H** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số **00 ngày / /2026** của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Hà